TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 05/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Trung;
Bà Lê Thị Phương Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn N, sinh ngày 29/01/1983 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nơi ở hiện nay: Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Bùi Văn N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 28/10/1988 tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở hiện nay: Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên Lê Thị T1, sinh năm 1987 và 01 người con, sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Thanh H bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Huỳnh Tuấn H2, sinh ngày 02/3/1987 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện nay: Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị H3, sinh năm 1982 và 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Huỳnh Tuấn H2 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Minh L, sinh ngày 07/3/1985 tại Tây Ninh. Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị N2 (chết); bị cáo có vợ tên Lê Thị Ngọc T2, sinh năm 1987; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Minh L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 27/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Quốc T3, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lý Pen Som U, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

2. Bà Lê Thị T4, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

3. Bà Vũ Thị H4, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn M. Nơi cư trú: Số E, ấp E, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 23/8/2023, Bùi Văn N, Huỳnh Tuấn H2, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Minh L cùng uống rượu tại xưởng cơ khí của ông Phạm Ngọc L1 thuộc khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Do biết tiệm cơ khí của ông Nguyễn Quốc T3 (cách tiệm cơ khí của ông L1 khoảng 50m) không có người trông coi tài sản nên trong lúc ngồi uống rượu, N rủ H2, H, L cùng nhau trộm sắt phế liệu trong tiệm cơ khí của ông T3 đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì H2, H, L đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, N, H2, H, L đi bộ qua tiệm cơ khí của ông T3 và nhìn thấy cửa bên hông của tiệm cơ khí không khóa. H2 dùng tay mở cửa rồi cùng với L, N, H đi vào bên trong tiệm cơ khí của ông T3. Lúc này, N, H2, H, L thấy 01 (một) đống sắt phế liệu (nhiều đoạn ống sắt, có đường kính từ 10cm đến 20cm, chiều dài của mỗi đoạn sắt từ 10cm đến 50cm)

nằm ở giữa tiệm cơ khí. N, H2, H, L lần lượt dùng tay lấy từng đoạn sắt phế liệu đưa ra khỏi tiệm của ông T3 rồi đem cất giấu tại lề đường phía trước cửa tiệm cơ khí của ông T3. Bốn bị cáo hẹn nhau sáng ngày 24/8/2023 sẽ gặp nhau tại địa điểm cất giấu tài sản để đem số sắt phế liệu trộm cắp được đi bán rồi tất cả ra về. Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 24/8/2023, N gọi điện thoại cho bà Lê Thị T4 là người thu mua phế liệu để hỏi bán sắt phế liệu đã lấy trộm được của ông T3 trước đó. N nói với bà T4 sắt là của N nên bà T4 đồng ý mua với số tiền 8.000 đồng/01kg. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 52N4-9971 mà Nam mượn của H trước đó đến địa điểm cất giấu tài sản, lúc này, H và H2 cũng đến gặp N chờ người đến thu mua số sắt trộm cắp được. Một lúc sau, ông Lý Pen Som U (là người làm thuê cho bà T4) điều khiển xe ba gác biển số 61P2-1858 đi đến địa điểm N, H2, H đang chờ để thu mua sắt phế liệu. Tại đây, U cùng N, H2, H lần lượt đem các đoạn sắt lên thùng xe ba gác. H điều khiển xe mô tô biển số 52N4-9971 chở N đi theo xe ba gác của ông U chở sắt đến tiệm T5 tại khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương của bà T4. Số sắt các bị cáo lấy trộm cân được tổng khối lượng là 1.075kg. Bà T4 chuyển khoản trả cho N với số tiền 8.640.0000 đồng (8.600.000 đồng là tiền bán sắt, T4 cho thêm N số tiền 40.000 đồng). Sau khi lấy được tiền, N đã chia cho H2, H, mỗi người 2.000.000 đồng. Do Lý bận công việc nên N chưa đưa tiền cho L. Số tiền còn lại N giữ lấy để tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N một mình tiếp tục đột nhập vào tiệm cơ khí của ông T3 lấy trộm 02 (hai) đoạn sắt phế liệu (01 (một) đoạn sắt tròn có kích thước dài 18cm, đường kính 23cm; 01 (một) đoạn sắt hình tròn có kích thước dài 37cm, đường kính 14,5cm) với tổng khối lượng là 74 kg. Sau đó, N một mình điều khiển xe mô tô biển số 52N4-9971 chở số sắt vừa trộm được của ông T3 đến tiệm thu mua phế liệu Đ của bà Vũ Thị H4 tại khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương bán cho bà H4 được số tiền là 550.000 đồng. Số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 26/8/2023, ông Nguyễn Quốc T3 đến tiệm cơ khí của mình thì phát hiện bị mất trộm các đoạn ống sắt nêu trên. Ông T3 đã đến tiệm T6 của bà Vũ Thị H4 để hỏi và tìm kiếm tài sản thì phát hiện 02 (hai) đoạn sắt phế liệu (01 (một) đoạn sắt hình tròn có kích thước dài 18cm, đường kính 23cm; 01 (một) đoạn sắt hình tròn có kích thước dài 37cm, đường kính 14,5cm) đang ở tiệm của bà H4. Do đó, ông T3 trình báo vụ việc đến Công an thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Qua làm việc, Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Công an thị trấn P đến tiệm T7 Tuy nhiên, bà T4 đã bán số sắt cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) vào ngày 25/8/2023 nên Công an thị trấn P không thu hồi được tài sản. Sau đó, Công an thị trấn P chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ: 01 (một) đoạn sắt tròn có kích thước dài 18cm, đường kính 23cm; 01 (một) đoạn sắt hình tròn có kích thước dài 37cm, đường kính 14,5cm, cả 02 đoạn sắt có tổng khối lượng là 74 kg; 01 (một) xe mô tô biển số: 52N4-9971, màu sơn: Nâu; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, màu đen và số tiền 4.000.000 đồng (do thu giữ của bị cáo H 2.000.000 đồng; thu giữ của bị cáo Huỳnh Tuấn H2 2.000.000 đồng).

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSPG ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định của cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 9 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Tuấn H2 từ 9 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L từ 9 (chín) tháng tù đến 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại ông Nguyễn Quốc T3 đã nhận đủ số tiền 8.600.000 đồng các bị cáo N, H, H2 và L liên đới bồi thường, ông T3 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về dân sự.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T4, bà H4 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về dân sự nên Viện kiểm sát không đề nghị.

Các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L không tranh luận gì thêm.

Trong đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, bị hại ông Nguyễn Quốc T3 trình bày: Ông đã nhận đủ số tiền 8.600.000 đồng do các bị cáo N, H, H2 và L đã liên đới bồi thường thiệt hại giá trị tài sản do các bị cáo đã chiếm đoạt, ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Trong đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T4, bà Vũ Thị H4 và ông Lý Pen Som U: Không yêu cầu các bị cáo N, H, H2 và L bồi thường gì về dân sự.

Các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Minh L không nói lời nói sau cùng.

Bị cáo Huỳnh Tuấn H2 nói lời nói sau cùng: Bị cáo mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội lo cho gia đình và vợ con của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Bị hại ông Nguyễn Quốc T3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Pen Som U, bà Lê Thị T4, bà Vũ Thị H4 có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra, ông Lý Pen Som U, bà Lê Thị T4, bà Vũ Thị H4 và ông Nguyễn Văn M đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, việc vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L đã khai nhận:

Khoảng 19 giờ ngày 23/8/2023, tại tiệm cơ khí thuộc khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, bị cáo Bùi Văn N rủ các bị cáo Huỳnh Tuấn H2, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Minh L thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt gồm

nhiều đoạn ống sắt phế liệu, có hình tròn, đường kính từ 10cm đến 20cm, chiều dài của mỗi đoạn ống sắt tròn từ 10cm đến 50cm, tổng trọng lượng 1.075 kg của bị hại ông Nguyễn Quốc T3.

Khoảng 15 giờ cùng ngày 24/8/2023, tại tiệm cơ khí thuộc khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương, bị cáo Bùi Văn N tiếp tục hành vi lén lút chiếm đoạt gồm: 02 (hai) đoạn sắt phế liệu (01 (một) đoạn sắt tròn có kích thước dài 18cm, đường kính 23cm; 01 (một) đoạn sắt hình tròn có kích thước dài 37cm, đường kính 14,5cm), tổng khối lượng là 74 kg của bị hại ông Nguyễn Quốc T3.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L là những người thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại ông Nguyễn Quốc T3 vào ngày 23/8/2023; bị cáo Bùi Văn N là người thực hiện hành vi lén lét chiếm đoạt tài sản của bị hại ông Nguyễn Quốc T3 vào ngày 24/8/2023.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 04/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện P số 55/KL-HĐĐGTS kết luận giá trị tài sản của 1.075 kg sắt phế liệu (nhiều đoạn ống sắt tròn, có đường kính từ 10cm đến 20cm, chiều dài của mỗi đoạn ống sắt tròn từ 10cm đến 50cm) là 8.600.000 đồng (tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 04/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện P số 56/KL-HĐĐGTS kết luận giá trị tài sản của 74 kg sắt phế liệu (01 (một) đoạn sắt tròn có kích thước dài 18cm, đường kính 3cm; 01 (một) đoạn sắt hình tròn có kích thước dài 37cm, đường kính 14,5cm) là 592.000 đồng (năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

[6] Vì vậy, hành vi của các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7] Do đó, Cáo trạng số 06/CT-VKSPG ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Trong đó, các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L đều chủ động tham gia thực hiện hành vi với vai trò là người thực hành. Tuy nhiên, cũng cần áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để phân hoá hình phạt đối với từng bị cáo.

[9] Tội phạm do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại. Bị hại ông Nguyễn Quốc T3 có đơn xin bãi nại cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[11] Xét các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L có mức hình phạt tù không quá 03 năm, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và nơi làm việc; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hơn 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nơi làm việc ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[12] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Quốc T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Pen Som U, bà Lê Thị T4, bà Vũ Thị H4 và ông Nguyễn Văn M không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX ghi nhận.

[14] Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) đoạn sắt tròn có kích thước dài 18cm, đường kính 23cm; 01 (một) đoan sắt hình tròn có kích thước dài 37cm, đường kính 14,5cm (tổng khối lượng là 74 kg) thu giữ tại tiệm phế liệu của bà H4. Đây là tài sản hợp pháp của ông T3, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho ông T3, ông T3 không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

+ 01 (một) xe mô tô biển số: 52N4-9971, số khung: CG0A2YAA67925, số máy: 1P50FMG310267925, màu sơn: Nâu. Xe mô tô do ông Nguyễn Văn M,

nơi cư trú: Số E, ấp E, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu. Theo bị cáo H khai, năm 2010, bị cáo H mua lại xe mô tô từ một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã xác minh tại địa chỉ E216, ấp E, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có người tên Nguyễn Văn M. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đăng báo tìm kiếm chủ sở hữu xe mô tô nêu trên theo quy định. Tuy nhiên, hết thời hạn vẫn không tìm được chủ sở hữu. HĐXX xét thấy, đây là phương tiện bị cáo N và H sử dụng vào việc phạm tội, cơ quan có thẩm quyền đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định nhưng không xác định được chủ sở hữu, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, màu đen. HĐXX xét thấy, đây là phương tiện bị cáo N sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 4.000.000 đồng (thu giữ của bị cáo H 2.000.000 đồng; thu giữ của bị cáo Huỳnh Tuấn H2 2.000.000 đồng). Số tiền này, bị cáo H và H2 giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, các bị cáo N, H, H2, L đã liên đới bồi thường số tiền 8.600.000 đồng cho bị hại T3, bị hại T3 không yêu cầu bồi thường gì thêm, ngoài ra các bị cáo không có nghĩa vụ dân sự nào khác nên cần trả lại cho bị cáo H2 và H mỗi người số tiền 2.000.000 đồng.

[15] Đối với ông Lý Pen Som U, bà Lê Thị T4, bà Vũ Thị H4 khi mua các phế liệu từ bị cáo N, ông Lý Pen Som U, bà Lê Thị T4, bà Vũ Thị H4 không biết các phế liệu do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không đề cập xử lý đối với hành vi của ông U, T4, bà H4 là phù hợp.

[16] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2024).

Giao bị cáo Bùi Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Bùi Văn N có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Bùi Văn N kể từ ngày 05/02/2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 8 (tám) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Thanh H cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh H có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thanh H kể từ ngày 05/02/2024.

2.3. Xử phạt bị cáo Huỳnh Tuấn H2 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 8 (tám) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2024).

Giao bị cáo Huỳnh Tuấn H2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Huỳnh Tuấn H2 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Huỳnh Tuấn H2 kể từ ngày 05/02/2024.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 6 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Minh L cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Nguyễn Minh L có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Minh L kể từ ngày 05/02/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại ông Nguyễn Quốc T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Pen Som U, bà Lê Thị T4, bà Vũ Thị H4 không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

4. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số: 52N4-9971, số khung: CG0A2YAA67925, số máy: 1P50FMG310267925, màu sơn: Nâu; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A54, màu đen (imei 1: 862366053989499, imei 2: 862366053989481).

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương)

Trả lại cho bị cáo Huỳnh Tuấn H2 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và bị cáo Nguyễn Thanh H số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

(Giấy nộp tiền ngày 25 tháng 12 năm 2023, đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tại Ngân hàng N3 - Chi nhánh huyện P, Bình Dương)

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Bùi Văn N, Nguyễn Thanh H, Huỳnh Tuấn H2 và Nguyễn Minh L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND thị trấn Phước Vĩnh (để thông báo);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Trung - Lê Thị Phương DungNguyễn Hữu Lâm